

Bản án số: 114 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13-12-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thao

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hồng

Ông Hoàng Văn Khiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 286/2022/TLST-HNGĐ ngày 24-10-2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11-11-2022 và thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 28/2022/TBXX ngày 01-12-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 2001

- Bị đơn: Anh Vương Văn T, sinh năm 2001

Cùng địa chỉ: Thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

Chị và anh Vương Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019 và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04-3-2022 tại UBND xã Mai Sơn, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4-2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hòa giải nhưng không có kết quả. Chị và Anh T đã ly thân từ tháng 8-2022 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Chị V xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn Anh T.

Về con chung: Chị và Anh T có một con chung là Vương Đức D, sinh ngày 09-3-2020. Ly hôn chị đồng ý để Anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung : Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vương Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị V tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04-3-2022 tại UBND xã Mai Sơn, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng không lớn. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhưng đến nay chưa có kết quả. Anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng có con chung là Vương Đức D, sinh ngày 09-3-2020 hiện đang được anh trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn anh đề nghị được trực tiếp được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Chị V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn anh Vương Văn T có nơi cư trú tại thôn Ro, xã Phan Thanh, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa, Chị V vắng mặt tại nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Vương Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mai Sơn, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái ngày 04-3-2022 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng hiện đã ly thân không còn quan tâm đến nhau. Chị V xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị V và Anh T đã trầm trọng, đời sống chung không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị V, cho Chị V được ly hôn Anh T.

[3] Về con chung: Chị V và Anh T có một con chung là Vương Đức D, sinh ngày 09-3-2020. Trong quá trình giải quyết vụ án, Chị V và Anh T đều thống nhất để Anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị được nuôi dưỡng con chung của Anh T và sự thống nhất về việc nuôi dưỡng con chung của các đương sự là phù hợp với quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con được quy định trong luật Hôn nhân và gia đình, đồng thời cũng phù hợp thực tế cháu Duy đang được Anh T nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền, lợi ích và đảm bảo sự ổn định cuộc sống của con nên giao cháu Vương Đức D cho Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu Chị V phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Vương Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Vương Đức D, sinh ngày 09-3-2020 cho anh Vương Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Chị Nguyễn Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí Chị V đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0002526 ngày 24-10-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Chị V đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- CCTHADS huyện Lục Yên;
- UBND xã Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thao